

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương

ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA PP-R

Tiêu chuẩn DIN 8078:2008

Hiệu lực từ ngày 24/03/2021 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	ĐK danh nghĩa	PN			PN			PN			PN		
		10 bar			16 bar			20 bar			25 bar		
		Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán
		mm	đồng/mét		mm	đồng/mét		mm	đồng/mét		mm	đồng/mét	
1	20	2.3	23,364	25,700	2.8	26,000	28,600	3.4	28,909	31,800	4.1	32,000	35,200
2	25	2.8	41,727	45,900	3.5	48,000	52,800	4.2	50,727	55,800	5.1	53,000	58,300
3	32	2.9	54,091	59,500	4.4	65,000	71,500	5.4	74,636	82,100	6.5	82,000	90,200
4	40	3.7	72,545	79,800	5.5	88,000	96,800	6.7	115,545	127,100	8.1	125,364	137,900
5	50	4.6	106,273	116,900	6.9	140,000	154,000	8.3	179,545	197,500	10.1	200,000	220,000
6	63	5.8	169,000	185,900	8.6	220,000	242,000	10.5	283,000	311,300	12.7	315,000	346,500
7	75	6.8	235,000	258,500	10.3	300,000	330,000	12.5	392,000	431,200	15.1	445,000	489,500
8	90	8.2	343,000	377,300	12.3	420,000	462,000	15.0	586,000	644,600	18.1	640,000	704,000
9	110	10.0	549,000	603,900	15.1	640,000	704,000	18.3	825,000	907,500	22.1	950,000	1,045,000
10	125	11.4	680,000	748,000	17.1	830,000	913,000	20.8	1,110,000	1,221,000	25.1	1,275,000	1,402,500
11	140	12.7	839,000	922,900	19.2	1,010,000	1,111,000	23.3	1,410,000	1,551,000	28.1	1,680,000	1,848,000
12	160	14.6	1,145,000	1,259,500	21.9	1,400,000	1,540,000	26.6	1,875,000	2,062,500	32.1	2,176,000	2,393,600
13	180	16.4	1,804,000	1,984,400	24.6	2,508,000	2,758,800	29.0	2,948,000	3,242,800	36.1	3,388,000	3,726,800
14	200	18.2	2,189,000	2,407,900	27.4	3,102,000	3,412,200	33.2	3,630,000	3,993,000			

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương

ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA PP-R

Tiêu chuẩn DIN 8078:2008

Hiệu lực từ ngày 24/03/2021 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	PN	Nối thẳng		Lơi (Nối góc 45°)		Co (Nối góc 90°)		Tê (Ba chạc 90°)		Đầu bịt ngoài	
	DN ĐK danh nghĩa		Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
			đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
1	20	20.0	3,091	3,400	4,818	5,300	5,818	6,400	6,818	7,500	2,909	3,200
2	25	20.0	5,182	5,700	7,727	8,500	7,727	8,500	10,545	11,600	5,000	5,500
3	32	20.0	8,000	8,800	11,636	12,800	13,545	14,900	17,273	19,000	6,545	7,200
4	40	20.0	12,818	14,100	23,091	25,400	22,000	24,200	27,000	29,700	9,818	10,800
5	50	20.0	23,000	25,300	44,091	48,500	38,636	42,500	53,000	58,300	18,545	20,400
6	63	20.0	46,000	50,600	101,000	111,100	118,182	130,000	133,000	146,300	90,000	99,000
7	75	20.0	77,091	84,800	155,273	170,800	154,273	169,700	199,727	219,700	160,000	176,000
8	90	20.0	130,455	143,500	185,000	203,500	238,000	261,800	310,000	341,000	180,000	198,000
9	110	20.0	211,636	232,800	322,091	354,300	485,000	533,500	480,000	528,000	198,000	217,800
10	125	20.0	407,182	447,900			786,091	864,700	1,020,273	1,122,300		
11	140	20.0	581,364	639,500			1,048,091	1,152,900	1,093,182	1,202,500		
12	160	16.0					1,572,091	1,729,300	1,870,636	2,057,700		
13	160	20.0	814,364	895,800								
14	200	16.0					3,056,909	3,362,600				
15	200	20.0	1,447,273	1,592,000								

7008
GỖN
PHÍA
HIẾU
IÊN F
PHÍA
ĐẦU MỎ



CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
 VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
 ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
 Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
 ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA PP-R

Tiêu chuẩn DIN 8078:2008

Hiệu lực từ ngày 24/03/2021 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	PN	Van		Van cửa		Zắc co nhựa (Đầu nối ống)		Ống tránh		Đầu nối bằng bích phun	
	DN		Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
16	20						38,000	41,800				
17	20	20.0	149,000	163,900	200,000	220,000			15,000	16,500		
18	25						56,000	61,600				
19	25	20.0	202,000	222,200	230,000	253,000			28,000	30,800		
20	32						80,545	88,600				
21	32	20.0	233,000	256,300	330,000	363,000						
22	40						92,545	101,800				
23	40	20.0	361,000	397,100	555,545	611,100						
24	50						139,000	152,900				
25	50	20.0	615,000	676,500	866,273	952,900					180,000	198,000
26	63	-					322,000	354,200				
27	63	20.0			1,334,818	1,468,300					222,727	245,000
28	75	20.0									344,818	379,300
29	90	20.0									393,636	433,000
30	110	20.0									517,545	569,300
31	125	20.0									844,818	929,300
32	140	16.0									792,000	871,200
33	125*	20.0									1,122,000	1,234,200
34	140*	20.0									1,597,182	1,756,900
35	160*	20.0									2,442,000	2,686,200
36	200*	20.0									5,148,000	5,662,800

Chú ý: * - sản phẩm mặt bích hàn đối đầu

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương

ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA PP-R

Tiêu chuẩn DIN 8078:2008

Hiệu lực từ ngày 24/03/2021 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	PN	Nối chuyển bậc (Nối giảm)		Tê chuyển bậc (Ba chạc 90° chuyển bậc)		Đại khởi thủy hàn cắm		STT	Sản Phẩm	PN	Nối chuyển bậc (Nối giảm)		Tê chuyển bậc (Ba chạc 90° chuyển bậc)		Đại khởi thủy hàn cắm	
	DN ĐK danh nghĩa		Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán		Chưa VAT		Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán			
	bar		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái			bar		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
36	25-20	20.0	4,818	5,300	10,545	11,600			58	90-20	20.0					6,273	6,900
37	32-20	20.0	6,818	7,500	18,545	20,400			59	90-25	20.0					6,818	7,500
38	32-25	20.0	6,818	7,500	18,545	20,400			60	90-40	20.0					26,636	29,300
39	40-20	20.0	10,545	11,600	40,727	44,800	4,818	5,300	61	90-50	20.0	94,545	104,000	270,000	297,000	35,818	39,400
40	40-25	20.0	10,545	11,600	40,727	44,800			62	90-63	20.0	120,364	132,400	290,000	319,000		
41	40-32	20.0	10,545	11,600	40,727	44,800			63	90-75	20.0	120,364	132,400	319,000	350,900		
42	50-20	20.0	18,909	20,800	71,545	78,700	5,273	5,800	64	110-50	20.0	183,636	202,000			36,273	39,900
43	50-25	20.0	18,909	20,800	71,545	78,700	6,273	6,900	65	110-63	20.0	247,182	271,900	460,000	506,000		
44	50-32	20.0	18,909	20,800	71,545	78,700			66	110-75	20.0	236,364	260,000	460,000	506,000		
45	50-40	20.0	18,909	20,800	71,545	78,700			67	110-90	20.0	247,182	271,900	460,000	506,000		
46	63-20	20.0					5,818	6,400	68	125-63	20.0					67,727	74,500
47	63-25	20.0	36,636	40,300	125,727	138,300	6,545	7,200	69	125-110	20.0	393,364	432,700				
48	63-32	20.0	36,636	40,300	125,727	138,300	12,091	13,300	70	140-75	20.0			1,518,000	1,669,800		
49	63-40	20.0	36,636	40,300	125,727	138,300			71	140-90	20.0	563,000	619,300				
50	63-50	20.0	36,636	40,300	125,727	138,300			72	140-110	20.0	885,091	973,600				
51	75-20	20.0					5,818	6,400	73	160-110	20.0	838,273	922,100				
52	75-25	20.0					6,545	7,200	74	160-140	20.0	850,636	935,700				
53	75-32	20.0	63,909	70,300	172,091	189,300			75	200-125	20.0	1,507,091	1,657,800				
54	75-32	20.0					12,636	13,900	76	200-140	16.0			4,702,000	5,172,200		
55	75-40	20.0	75,273	82,800	172,091	189,300	25,182	27,700									
56	75-50	20.0	68,182	75,000	185,000	203,500											
57	75-63	20.0	68,182	75,000	172,091	189,300											



CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
 VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
 ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
 Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
 ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA PP-R

Tiêu chuẩn DIN 8078:2008

Hiệu lực từ ngày 24/03/2021 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	PN	Nối thẳng ren trong		Nối thẳng ren ngoài		Co ren trong (Nối góc 90° ren trong)		Co ren ngoài (Nối góc 90° ren ngoài)		Co ren trong kép (Nối góc 90° ren trong kép)	
			Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	DN ĐK danh nghĩa	bar	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
86	20-1/2"	20.0	38,000	41,800	48,000	52,800	42,273	46,500	59,545	65,500		
87	25-1/2"	20.0	46,545	51,200	55,545	61,100	48,000	52,800	67,273	74,000	106,818	117,500
88	25-3/4"	20.0	51,909	57,100	67,000	73,700	64,727	71,200	79,545	87,500		
89	32-1"	20.0	84,545	93,000	99,000	108,900	119,545	131,500	126,636	139,300		
90	40-1.1/4"	20.0	209,545	230,500	288,000	316,800						
91	50-1.1/2"	20.0	278,000	305,800	360,000	396,000						
92	63-2"	20.0	562,545	618,800	610,000	671,000						
93	75-2.1/2"	20.0	800,818	880,900	935,000	1,028,500						
94	90-3"	10.0	1,606,000	1,766,600	1,890,000	2,079,000						
95	110-4"	10.0			3,180,000	3,498,000						

STT	Sản Phẩm	PN	Tê ren trong (Ba chạc 90° ren trong)		Tê ren ngoài (Ba chạc 90° ren ngoài)		Zắc co ren trong (Đầu nối ống)		Zắc co ren ngoài (Đầu nối ống)	
			Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	DN ĐK danh nghĩa	bar	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
96	20-1/2"	20.0	42,636	46,900	52,545	57,800	90,545	99,600	96,545	106,200
97	25-1/2"	20.0	45,636	50,200	57,000	62,700				
98	25-3/4"	20.0	66,545	73,200	69,000	75,900	145,000	159,500	150,545	165,600
99	32-1"	20.0	145,182	159,700	145,000	159,500	212,545	233,800	236,545	260,200
100	40-1.1/4"	20.0					333,000	366,300	351,000	386,100
101	50-3/4"	20.0	280,000	308,000						
102	50-1-1/2"	20.0					580,000	638,000	619,545	681,500
103	63-2"	20.0					773,000	850,300	838,000	921,800

K. C. P. *
CHỮ ĐỎ